

*Bản án số: 39/2017/HSST
Ngày 12-12-2017*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Bình.*

** Các Hội thẩm: Ông Phan Thanh Sung – Cán bộ Huyện đoàn.*

Ông Nguyễn Hữu Em – Cán bộ Phòng giáo dục.

** Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Quách Văn Quy.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thịnh – Kiểm sát viên.*

Ngày 12 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 34/2017/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN T, sinh ngày 26/02/2000. Giới tính: Nam. Quê quán: huyện L, tỉnh Hậu Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp 8, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 7/12. Cha tên Nguyễn Văn L (chết), mẹ tên Nguyễn Thị Bé E. Tiền sự, tiền án: Không. Khởi tố áp dụng biện pháp ngăn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/9/2017 đến nay. (Có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T là bà Nguyễn Thị Bé E, sinh năm 1976. Nơi ĐKKHKT: Ấp 8, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Nghề nghiệp: Làm thuê. Là mẹ đẻ của bị cáo. (Vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bé E là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nghề nghiệp: Làm thuê. Là dì ruột của bị cáo. (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T là ông Lý Kim Phước – Luật sư, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu. Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp lý Nhà nước, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt).

- Người bị hại: Bà Phạm Thị H (tên gọi khác: Kim H), sinh năm 1955. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu truy tố về hành vi phạm tội như sau: Nhân lúc bà Phạm Thị H vắng nhà, Nguyễn Văn T đã hai lần lẻn vào nhà lấy trộm của bà số tiền 38.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 35/KSĐT-KT ngày 27 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai: Do trước đây bị cáo lấy đồ ngang thuê cho bà Phạm Thị H nên bị cáo biết bà H có tiền. Vì vậy, vào khoảng 15 giờ ngày 06/9/2017 bị cáo từ nhà mình đi đến nhà bà H với mục đích lấy trộm tài sản. Khi đến nhà bà H, thấy nhà khóa cửa không người trông giữ, bị cáo đi vòng ra cửa sau thấy cửa đóng không khóa nên bị cáo kéo cửa ra đi vào. Đến phòng ngủ bà H thấy tủ nhôm có hai hộc đã khóa, bị cáo tìm thấy chìa khóa treo trên vách tường và lấy mở tủ, phát hiện bên trong có một túi xách, mở túi xách có một sấp tiền polime mệnh giá 500.000 đồng. Lúc này, bị cáo nghe bên ngoài có tiếng bà Lê Thị X (nhà cạnh nhà bà H) đang kêu Huỳnh Văn L (con bà H) để báo là bị cáo vào nhà bà H. Sợ bị phát hiện nên bị cáo rút một phần sấp tiền trong túi xách rồi đi ra ngoài. Ra đến cửa bị cáo thấy bà X đứng bên hàng rào nhìn bị cáo nên bị cáo đi đến chuồng gà phía sau nhà bà H cất giấu tiền rồi xuống đò đi về nhà. Sau khi về đến nhà một lúc thì ông L cùng ông D qua nhà tìm bị cáo và đưa bị cáo trở lại nhà bà H thì bị cáo thừa nhận có lấy trộm tiền của bà H và chỉ nơi cất giấu. Công an xã N tiến hành kiểm tra thu giữ được số tiền 28.500.000 đồng. Ngoài ra, trước đây vào khoảng tháng 7 năm 2017 bị cáo cũng lẻn vào nhà bà H lấy trộm số tiền 10.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Đối với số tiền 28.500.000 đồng bà H đã thu hồi lại đủ và gia đình bị cáo đã nộp khắc phục cho bà H đủ số tiền 10.000.000 đồng.

Người bị hại Phạm Thị H trình bày: Chiều ngày 06/9/2017 tôi với chồng tôi đi đăm giỗ nhà xui gia tôi nên nhà tôi khóa cửa trước và cửa sau chỉ đóng không khóa. Khi tôi đang ở nhà xui gia tôi thì con tôi cho hay là bị cáo Nguyễn Văn T vào nhà có lẽ lấy trộm tài sản. Nên tôi về nhà và báo Công an xã N. Bị cáo thừa nhận có lấy tiền tôi và chỉ chỗ cất giấu. Thu hồi được 28.500.000 đồng đúng số tiền tôi bị mất. Trước đó, tôi cũng có mất số tiền 10.000.000 đồng. Đối với số tiền 28.500.000 đồng tôi đã thu hồi lại đủ và gia đình bị cáo T đã nộp khắc phục cho tôi đủ số tiền 10.000.000 đồng. Nay tôi không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Còn đối với trách nhiệm hình sự thì tôi xin cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo chưa thành niên và để bị cáo đi làm nuôi ông, bà ngoại già yếu.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội: Căn cứ vào lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Kiểm sát viên đã phân tích, đánh giá mức độ, hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo qua đó đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 69; 74 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong nên không đề cập đến trong vụ án.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo như sau: Đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát cũng như lời đề nghị xử lý đối với bị cáo T cũng như hướng xử lý toàn bộ vụ án. Nhưng xét thấy, bị cáo là người chưa thành niên và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đặc biệt bị cáo xuất thân trong hoàn cảnh gia đình đặc biệt hơn những người khác, đó là cha chết khi bị cáo còn nhỏ, mẹ có chồng khác, bị cáo sống cùng ông, bà ngoại nay đã già yếu, ông ngoại là thương binh, kinh tế gia đình thuộc diện hộ nghèo. Từ những lý do trên tôi đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Xuất phát từ tính tham lam, thích hưởng thụ và lười lao động nên bị cáo T đã lén lút vào nhà bà Phạm Thị H lấy trộm tài sản hai lần. Lần một vào khoảng tháng 7 năm 2017 lấy trộm số tiền 10.000.000 đồng. Lần hai vào ngày 06/9/2017 lấy trộm số tiền 28.500.000 đồng và bị phát hiện. Xét thấy, bị cáo là người chưa thành niên nhưng có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức rõ hành vi lén lút lấy cắp tài sản của người khác là hành vi gây nguy hiểm cho xã hội và đã xâm phạm đến trật tự công cộng mà trực tiếp là xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ. Nhưng vì lòng tham nên bị cáo đã lợi dụng lúc bà H vắng nhà và đã thực hiện đến hoàn thành hành vi lén lút lấy trộm tiền của bà H hai lần với tổng số tiền là 38.500.000 đồng. Với giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của người bị hại mỗi lần như đã nêu trên là đủ định lượng để truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản. Như vậy, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Cho nên Hội đồng xét xử xét thấy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân truy tố bị cáo Nguyễn Văn T ra trước tòa về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do khi thực hiện tội phạm thì bị cáo tự mình thực hiện ngoài ra không có ai tham gia thực hiện hay xúi giục bị cáo nên không có đồng phạm hay phạm tội có tổ chức. Vì vậy, chỉ bị cáo chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt tương ứng tại khung hình phạt của tội phạm mà bị cáo đã vi phạm.

Tuy nhiên, để có một bản án khách quan và mức hình phạt tương xứng mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xem xét đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Xét thấy, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng. Vì mức hình phạt cao nhất cho khung hình phạt của tội phạm mà bị cáo vi phạm là ba năm tù. Về nhân thân bị cáo có lý lịch nhân thân rõ ràng, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo xuất thân trong gia đình nghèo khó (được Nhà nước cấp giấy chứng nhận hộ nghèo), mồ côi cha từ nhỏ, mẹ có chồng khác nên từ nhỏ sống với ông, bà ngoại. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo có các tình tiết sau đây: Sau khi phạm tội gia đình bị cáo

đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho người bị hại xong. Trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Ông ngoại bị cáo có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu Nước hiện là thương binh. Ngoài ra, người bị hại có đơn và tại phiên tòa hôm nay cũng xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo. Do đó, cần áp dụng các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo trộm cắp tài sản của bà H đến hai lần, mỗi lần đều đủ định lượng cấu thành tội trộm cắp tài sản nên cần phải áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Từ đánh giá về căn cứ quyết định hình phạt như đã nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy. Dù bị cáo là người chưa thành niên và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng chỉ trong khoản thời gian chỉ khoản hai tháng (tháng 7 đến tháng 9) bị cáo đã hai lần trộm cắp tài sản với giá trị thấp nhất là 10.000.000 đồng nên nếu cho bị cáo hưởng án treo thì không đủ sức răn đe đối với bị cáo và tính phòng ngừa chung trong xã hội. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian ngắn, để đưa bị cáo vào sống trong môi trường lành mạnh, có giáo dục của pháp luật Nhà nước. Nhằm tạo điều kiện cho bị cáo có thời gian học tập, cải tạo, soi rọi lại bản thân và nhận thức đúng đắn hơn hành vi của mình để sau này trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

Về trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong nên không đề cập đến trong vụ án.

Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng bị cáo phải chịu nhưng do bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên được miễn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy; lời đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay về hướng giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là có cơ sở và căn cứ pháp luật để chấp nhận. Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo là chưa đủ căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- 1/ Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- 2/ Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo

Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3/ Về trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong nên không xem xét, giải quyết.

4/ Áp dụng khoản 1; 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viên kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- THA huyện;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Bình